

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày tháng 11 năm 2025

Danh sách

GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
CÔNG LẬP, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

STT	TÊN TỔ CHỨC	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1	Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang (Quyết định số 1125/QĐ-BCA ngày 26/02/2025 của Bộ Công an)	Số 01 đường Quang Trung, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	02973.872.016
2	Trung tâm Pháp Y, Sở Y tế (Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Trụ sở chính: Số 01A đường Lê Hồng Phong, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	02973.861.479
		Trụ sở 2: Số 11 đường Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.852.293

B. DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	TÊN TỔ CHỨC	LĨNH VỰC	CHUYÊN NGÀNH	NGƯỜI ĐẠI DIỆN
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang Địa chỉ: Số 854 đường 3 tháng 2, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang (Quyết định số 307/QĐ-BHXXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)	Bảo hiểm	Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật BHXH, BHYT, BHTN	0297.3811185
2	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang, Sở Xây dựng Địa chỉ: Số 6 đường số 20, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	Ông Trần Anh Quân Giám đốc Trung tâm

3	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Giao thông An Giang Địa chỉ: Số 18-19A2 đường Nguyễn Thái Bình, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)	Xây dựng cầu, đường, dân dụng, công nghiệp, NN&PTNT, HTKT	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình. 5. Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	0293.855.848 Nguyễn Thanh Nam, Giám đốc Công ty
---	--	---	---	---

C. DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

STT	Họ và tên	Năm sinh	Tình trạng		Lĩnh vực chuyên môn (2)	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Ghi chú
			Chuyên trách	Kiểm nhiệm			
I	CÔNG AN TỈNH: 43 GĐVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 31; chuyển công tác 07; xuất ngũ 01; nghỉ hưu 04)						
1.	Hồ Văn Sen	1971	x		Giám định đường vân	Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	

2.	Đặng Việt Hùng	1971	x		Giám định đường vân	Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang	
3.	Lưu Quang Phục	1973	x		Giám định tài liệu, Cơ học	Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	
4.	Đoàn Văn Lâm	1978	x		Giám định đường vân và tài liệu	Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang	
5.	Nguyễn Phước Thịnh	1971	x		Giám định kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
6.	Trần Quốc Hà	1977	x		Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 04/9/2008 của UBND tỉnh An Giang	
					Giám định tài liệu	Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh An Giang	
7.	Phạm Thị Diệu	1977	x		Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang	
8.	Cao Dương Hoài Thu	1988	x		Giám định sinh học	Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	

9.	Nguyễn Hoàng Phương	1983	x		Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	
					Giám định viên âm thanh	Quyết định số 1611/QĐ-BCA, ngày 11/3/2025 của Bộ Công an	
10.	Huỳnh Phú Sĩ	1982	x		Giám định viên kỹ thuật	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
					Giám định dấu vết cơ học	Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
11.	Thái Minh Hồng	1981	x		Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	
12.	Trịnh Minh Lộc	1983	x		Giám định kỹ thuật	Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
13.	Vũ Thị Minh Thương	1982	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang	
					Giám định Cơ học, Đường vân	Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang	

14.	Nguyễn Thị Mỹ Hà	1979	x		Giám định hóa học	Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 07/10/2009 của UBND tỉnh An Giang	
15.	Giáp Thanh Tiến	1984	x		Giám định dấu vết đường vân	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh An Giang	
					Giám định viên kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
16.	Thái Thị Thanh Thủy	1979	x		Giám định viên hóa học	Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 18/11/2011	
17.	Nguyễn Đăng Khoa	1978	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh An Giang	
18.	Trương Công Toàn	1990	x		Giám định pháp y	Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
19.	Vũ Văn Xuyên	1989	x		Giám định pháp y	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh An Giang	
20.	Trần Hoàng Toàn	1984	x		Giám định cháy nổ	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 11/03/2025	

21.	Lê Đình Thành	1993	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1932/QĐ- UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh An Giang	
22.	Nguyễn Mạnh Cường	1993	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh An Giang	
23.	Nguyễn Hoàng Nam	1985	x		Giám định hóa học	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
					Giám định cháy nổ	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 11/03/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
24.	Danh Minh Hoàng	1982	x		Giám định pháp y	Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang	
					Giám định sinh học	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 02/05/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
25.	Danh Hoàng	1983	x		Giám định tài liệu và đường vân	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
26.	Nguyễn Thành Sang	1984	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh	

27.	Võ Trung Giang	1986	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 1786/QĐ- UBND tháng 07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
28.	Lê Đức Huy	1982	x		Giám định hóa học	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
29.	Nguyễn Việt Triều	1984	x		Giám định pháp y	Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
					Giám định sinh học	Quyết định số 2886/QĐ-BCA ngày 02/5/2024 của Bộ Công an	
30.	Trần Văn Nghĩa	1979	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 09/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
31.	Trần Văn Điền	1983	x		Giám định đường vân	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 03/06/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
32.	Nguyễn Tấn Huy	1980	x		Giám định cháy nổ và sự cố kỹ thuật	Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác
33.	Nguyễn Thanh Sơn	1979	x		Giám định dấu vết cơ học	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác

34.	Trần Mạnh Phi	1989	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác
35.	Huỳnh Xuân Thuận	1992	x		Giám định dấu vết cơ học	Quyết định số 2889/QĐ-BCA ngày 02/5/2024 của Bộ Công An	Chuyển công tác
36.	Trần Thị Trang	1988	x		Giám định sinh học	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác
37.	Nguyễn Hòa Bình	1985	x		Giám định kỹ thuật số - điện tử	Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác
38.	Đình Hoàng Diệt	1984	x		Giám định sinh học	Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Chuyển công tác
39.	Trương Công Văn	1984	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Xuất ngũ (QĐ số 108/QĐ-CAT-PX01 ngày 29/01/2024)
40.	Phan Văn Thơ	1958	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 08/10/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Nghỉ hưu

41.	Nguyễn Quốc Việt	1966	x		Giám định dấu vết cơ học, súng đạn	Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 07/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Nghỉ hưu theo Quyết định số 4158/QĐ-CAT-PX01 ngày 29/8/2023
42.	Nguyễn Thanh Hải	1968	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 7416/QĐ-UBND ngày 03/12/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Nghỉ hưu theo Quyết định số 1374/QĐ-CAT-PX01 ngày 26/2/2023
43.	Nguyễn Kiều Thúy	1975	x		Giám định tài liệu	Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 tỉnh An Giang	Nghỉ hưu theo Quyết định số 4245/QĐ-CAT-PX01 ngày 22/5/2023
II	SỞ Y TẾ: 25 GDVTP (Trong đó: Hiện có đang công tác 18; đã nghỉ hưu 06; đã nghỉ việc 01)						
44.	Nguyễn Quang Hiền	1966	x		Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 tỉnh An Giang	
45.	Lê Thị Hồng Nga	1975	x		Giám định pháp y	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 tỉnh An Giang	
46.	Huỳnh Tuấn Nhi	1983	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 và Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 về việc sửa đổi Quyết định số 1131/QĐ-UBND tỉnh An Giang	

47.	Nguyễn Văn Lắm	1973	x		Giám định pháp y	Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 22/9/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang	
48.	Võ Văn Điều	1984	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1403/QĐ-UBND, ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang	
49.	Nguyễn Hữu Ngọc	1981	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1200/QĐ-UBND, ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang	
50.	Phạm Văn Đăng	1978	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1809/QĐ-UBND, ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang	
51.	Lư Mẫn	1982	x		Giám định pháp y	Quyết định số 1810/QĐ-UBND, ngày 22/08/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang	
52.	Phan Thanh Thanh	1981	x		Giám định pháp y	Quyết định số 2275/QĐ-UBND, ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang	
53.	Nguyễn Thành Nam	1973		x	Giám định pháp y	Quyết định số 1759/QĐ-CT ngày 25/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang	

54.	Hun Xuân Hoan	1970		x	Giám định pháp y	Quyết định số 3628/1998/QĐ-CT ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	
55.	Nguyễn Quang Dũng	1967		x	Giám định pháp y	Quyết định số 3628/1998/QĐ-CT ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	
56.	Huỳnh Văn Tốt	1965		x	Giám định pháp y	Quyết định số 2145/QĐ-CT ngày 04/10/2001 của UBND tỉnh Kiên Giang	
57.	Nguyễn Ngọc Hùng	1965		x	Giám định pháp y	Quyết định số 2145/QĐ-CT ngày 04/10/2001 của UBND tỉnh Kiên Giang	
58.	Nguyễn Văn Khoa	1967		x	Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006	
59.	Lâm Tường Minh	1968		X	Giám định pháp y	Quyết định số 2082/QĐ-CT ngày 14/9/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang	
60.	Trần Tuấn Huy	1969		x	Giám định pháp y	Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 26/5/2006 của UBND tỉnh An Giang	

61.	Nguyễn Liên Hiệp	1969		x	Giám định pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của UBND tỉnh An Giang	
62.	Ngô Minh Trang	1971	x		Pháp Y	Số 2276/QĐ-UBND ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh	Nghỉ hưu theo Nghị định 178/2024/NĐ- CP kể từ ngày 01/09/2025
63.	Trương Văn Thống	1968	x		Pháp Y	Quyết định số 468/QĐ- UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu theo Nghị định 178/2024/NĐ- CP kể từ ngày 01/09/2025
64.	Nguyễn Tri Phương	1962		x	Pháp Y	Số 3628/1998/QĐ-UB ngày 10/11/1998 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu kể từ ngày 01/01/2023
65.	Dương Thị Truyền	1954		x	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được
66.	Trần Thanh Phong	1970		x	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được

67.	Bùi Thị Xuân Nga	1966		x	Pháp y	Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 07/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghỉ hưu và không liên lạc được
68.	Lê Minh Uy	1965		x	Vệ sinh, an toàn thực phẩm	Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 22/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Nghỉ việc theo Quyết định số 934/QĐ-SYT ngày 03/10/2024
III	SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO: 09 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 05; nghỉ theo chính sách 178: 04)						
69.	Đặng Thị Ngọc Tư	1989		x	Văn hóa	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND tỉnh An Giang	
70.	Nguyễn Thị Thùy Trang	1975		x	Văn hóa	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 06/2/2025 của UBND tỉnh An Giang	
71.	Dương Hoàng Vũ	1981		x	Báo chí	Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh An Giang	
72.	Võ Văn Dũng	1975		x	Văn hóa, báo chí	Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
73.	Nguyễn Hồng Chí	1972		x	Báo chí, thông tin điện tử	Quyết định 962/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	

74.	Trương Bá Trạng	1966		x	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
75.	Đào Sĩ Tuấn	1966		x	Văn hóa	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
76.	Bùi Thị Phương Mai	1975		x	Văn hóa	Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 tỉnh An Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
77.	Bùi Công Ba	1978		x	Văn hóa	Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ theo chế độ 178, đề nghị miễn nhiệm
IV	SỔ TÀI CHÍNH: 39 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 24; chuyển công tác 05; đã nghỉ theo chính sách 178: 10)						
78.	Nguyễn Văn Dũng	1978		x	Đăng ký kinh doanh; Hợp tác xã	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	
79.	Chau Râm Qui Rút	1985		x	Đầu tư công	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	
80.	Trần Thanh Diễm	1975		x	Đầu tư ngoài ngân sách	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	

81.	Phạm Thị Thiên Thu	1988		x	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	
82.	Đỗ Ái	1979		x	Tài chính kế toán	Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang	
83.	Ngô Sê Al	1980		x	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	
84.	Danh Chí Tâm	1979		x	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	
85.	Nguyễn Thị Kim Cúc	1987		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
86.	Phan Hữu Nghị	1988		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
87.	Châu Văn Mạnh	1976		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
88.	Bùi Kim Ngọc	1987		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	

89.	Trần Ái Thi	1981		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
90.	Mai Thị Thúy Huỳnh	1989		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
91.	Nguyễn Thị Thúy Hường	1983		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
92.	Lê Thị Lệ Nhi	1986		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
93.	Huỳnh Bích Trân	1989		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
94.	Trang Vũ Em	1980		x	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/06/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	
95.	Đinh Ngọc Thanh Tuyền	1981		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
96.	Liêu Anh Kiệt	1984		x	Tài chính	Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	

97.	Từ Phú Tiên	1982		x	Tài chính	Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
98.	Trần Phước Hữu	1976		x	Tài chính	Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
99.	Nguyễn Đức Huy	1980		x	Tài chính	Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
100.	Nguyễn Thị Huệ	1973		x	Tài chính	Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
101.	Lê Phát Tân	1990		x	Tài chính	Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	
102.	Mai Phạm Trung Hòa	1986		x	Đầu thầu	Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về UBND xã Phú Hòa, tỉnh An Giang (QĐ số 8895/QĐ-SNV, ngày 17/9/2025 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang)

103.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1979		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Sở Y tế (Quyết định số 2499/QĐ- UBND ngày 12/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)
104.	Nguyễn Tấn Dương	1974		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Thanh tra tỉnh (Quyết định số 6327/QĐ-SNV ngày 27/6/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang)
105.	Nguyễn Văn Sơn	1978		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	Chuyển công tác về Thanh tra tỉnh (Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh An Giang)

106.	Trần Quang Vinh	1986		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển về xã Hội An, tỉnh An Giang (QĐ số 143/QĐ-STC, ngày 27/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)
107.	Huỳnh Thanh Lâm	1975		X	Kế toán	Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ thôi việc từ tháng 9/2025 theo ND 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 239/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)
108.	Trần Sơn Hà	1965		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 3/2025 theo ND 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 100/QĐ-STC, ngày 28/02/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)

109.	Lư Ngọc Thi	1972		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 7/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 442/QĐ-STC, ngày 27/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)
110.	Lâm Thanh Nhã	1968		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 04/11/2002 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 7/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 97/QĐ-STC, ngày 28/02/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)
111.	Trương Phương Hồng	1972		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 4/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 198/QĐ-STC, ngày 01/4/2025 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang)

112.	Trần Đình Thư	1963		X	Tài chính	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 14/04/2017 của UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 01/2025 (Quyết định số 139/QĐ-STC, ngày 01/10/2024 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)
113.	Nguyễn Thị Thùy Trang	1970		x	Tài chính	Quyết định số 159/QĐ.UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 5/2025 (Quyết định số 138/QĐ-STC, ngày 25/6/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang; Đề nghị miễn nhiệm GDVTP theo đơn đề nghị của cá nhân
114.	Nguyễn Công Thương	1968		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 11/02/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 8/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 218/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)

115.	Trần Quốc Khanh	1972		X	Tài chính kế toán	Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 8/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 220/QĐ-STC, ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh An Giang)
116.	Nguyễn Huy Cường	1970		x	Tài chính	Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh An Giang	Nghỉ hưu trước tuổi từ tháng 9/2025 theo NĐ 178/2024/NĐ-CP (Quyết định số 981/QĐ-UBND, ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh An Giang)
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 22 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 20, đã nghỉ theo chính sách 178: 02)						
117.	Đặng Tiến Thịnh	1970		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đo đạc bản đồ	Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh An Giang	
118.	Mai Minh Trang Khôi	1983		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	

119.	Lê Văn Thanh	1990		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
120.	Đỗ Thị Thu Huyền	1983		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
121.	Nguyễn Hoàng Phú	1982		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
122.	Đặng Hữu thắng	1989		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
123.	Nguyễn Hoàng Phú	1982		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh An Giang	
124.	Nguyễn Đình Cự	1980		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	

125.	Huỳnh Tấn Lực	1988		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
126.	Trần Minh Sang	1980		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
127.	Trần Thanh Phong	1981		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
128.	Quảng Thị Dal	1987		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành địa chất	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
129.	Lê Thị Kim Thoa	1983		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành trắc địa	Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
130.	Trần Hoàng Thanh	1977		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	

131.	Đỗ Mạnh Cường	1986		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
132.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	1988		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
133.	Trần Thị Lương	1989		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành môi trường	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
134.	Nguyễn Phước Đạt	1987		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
135.	Võ Đức Lịnh	1987		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
136.	Mã Út Em	1988		x	Tài nguyên và môi trường, chuyên ngành đất đai	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	
137.	Nguyễn Tâm Em	1981		x	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐ.UBND ngày 29/6/2010	Nghị chế độ 178

138.	Trần Anh Dũng	1967		x	Thủy sản	Quyết định số 1174/QĐ.UB ngày 29/6/2010	Nghị chế độ 178
VI	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: 07 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 02, chuyển công tác 05)						
139.	Nguyễn Thanh Hải	1973		x	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh	
140.	Trần Trung Hiếu	1974		x	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	
141.	Võ Minh Tuấn	1982		x	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về xã Mỹ Hòa Hưng
142.	Trần Lệ Xuân	1976		x	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về Trung tâm Công báo – Tin học, VP UBND tỉnh
143.	Lê Việt Phương	1976		x	Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh An Giang	Nơi công tác Trường CĐ nghề AG
144.	Từ Đỗ Minh Trí	1984		x	Công nghệ thông tin	Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 06/11/ 2024 của UBND tỉnh An Giang	Chuyển công tác về phường Mỹ Thới

145.	Võ Quốc Khánh	1986		x	Thông tin và Truyền thông	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Tỉnh ủy An Giang
VII	SỞ XÂY DỰNG: 13 GĐVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 13)						
146.	Trần Anh Quân	1969		x	Xây dựng	Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Kiểm định xây dựng An Giang, Sở Xây dựng
147.	Nguyễn Văn Mót	1977		x	Xây dựng	Quyết định bổ nhiệm vào ngày 22/9/2008; Thẻ giám định viên tư pháp số 3675/TP-GĐTP ngày 19/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Giám đốc Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ xây dựng, Sở Xây dựng
148.	Nguyễn Đức Hòa	1979		x	Đường bộ	Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
149.	Từ Ngọc Điền	1987		x	Đường bộ	Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
150.	Nguyễn Thiện Bằng	1969		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	

151.	Hồ Minh Ưc	1967		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
152.	Nguyễn Trung Hiếu	1981		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
153.	Huỳnh Công Tấn	1980		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
154.	Phan Thái Bảo	1987		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
155.	Nguyễn Hoài Nhân	1988		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
156.	Nguyễn Tấn Khoa	1984		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
157.	Nguyễn Hữu Thái	1982		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	
158.	Đàm Văn Hoàng Hiếu	1985		x	Giao thông vận tải	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	

VIII	CHI CỤC HẢI QUAN AN GIANG: 01 GĐVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 01)						
159.	Lê Ái Quân	1977		x	Hải quan	Quyết định số 1845/QĐ-BTC ngày 21/9/2021 của Bộ Tài chính	
IX	THUẾ TỈNH AN GIANG: 43 GĐVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 43)						
160.	Đặng Hòa Hiệp	1973		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
161.	Nguyễn Thị Minh Đáo	1990		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
162.	Nguyễn Bảo Huy	1973		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
163.	Triệu Minh Đạt	1965		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
164.	Võ Bá Lộc	1983		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
165.	Lê Thế Nghiệp	1974		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
166.	Nguyễn Văn Quân	1976		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
167.	Ôn Thanh Tuấn	1983		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	

168.	Trần Quang Vinh	1975		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
169.	Trần Thanh Tuấn	1973		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
170.	Lê Văn Tâm	1974		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
171.	Nguyễn Văn Lâm	1980		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
172.	Đào Thanh Cần	1984		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
173.	Trần Ích Tuấn	1980		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
174.	Đỗ Thị Hằng	1976		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
175.	Nguyễn Công Trí	1976		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
176.	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1983		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
177.	Nguyễn Lê Minh	1980		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
178.	Tô Hoàng Phương	1979		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	

179.	Hoàng Thị Dung	1985		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
180.	Nguyễn Thị Huyền Trang	1988		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
181.	Trần Huyền Trang	1989		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
182.	Lê Anh Dũng	1971		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
183.	Trần Hoàng Thành	1974		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
184.	Đinh Đức Thiện	1976		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
185.	Nguyễn Hồng Vân	1977		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
186.	Nguyễn Ngọc Dương	1978		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
187.	Nguyễn Tấn Bình	1973		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
188.	Phan Hoàng Đông	1972		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
189.	Trương Văn Thắng	1971		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	

190.	Nguyễn Phước Vinh	1980		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
191.	Phạm Thanh Sơn	1975		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
192.	Phan Lý Cảnh	1976		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
193.	Nguyễn Hoàng Giang	1972		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	
194.	Hà Anh Kiệt	1971		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
195.	Nguyễn Văn Hùng	1973		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
196.	Đinh Văn Liêm	1972		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
197.	Nguyễn Hữu Đức	1972		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
198.	Nguyễn Văn Nam	1972		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
199.	Phạm Văn Thuận	1974		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
200.	Nguyễn Hoàng Vũ	1974		x	Thuế	Quyết định số 3002/QĐ-BTC ngày 20/12/2024 của Bộ Tài chính	

201.	Lý Hoàng Trọng	1970		x	Thuế	Quyết định số 2521/QĐ-BTC ngày 02/12/2019 của Bộ Tài chính	
202.	Châu Thanh Liêm	1976		x	Thuế	Quyết định số 2433/QĐ-BTC ngày 22/11/2022 của Bộ Tài chính	
X	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC 15: 10 GDVTP (Trong đó: Hiện đang công tác 10)						
203.	Lê Đỗ Ngọc Đình	1990		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
204.	Nguyễn Minh Đức	1990		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
205.	Trần Lăng Hoàng Hạc	1984		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
206.	Lê Tiến Lập	1988		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
207.	Nguyễn Thị Thúy Loan	1985		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

208.	Lê Thị Thanh Mai	1973		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
209.	Lưu Nguyễn Bảo Ngọc	1983		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
210.	Trần Thị Tuyết	1988		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
211.	Trần Trọng Triết	1968		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	
212.	Nguyễn Bảo Trúc	1975		x	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 516/QĐ-NHNN ngày 24/03/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam	

D. DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Lĩnh vực chuyên môn	Kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và hoạt động giám định tư pháp	Quyết định công nhận	Ghi chú
I. SỞ XÂY DỰNG: 03 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 03)						
1.	Nguyễn Thị Hảo	1976	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan.	Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 15/8/2015 của UBND tỉnh	

2.	Nguyễn Thành Nam	1981	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng xong trình.	Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	
3.	Lê Văn Cẩn	1992	Xây dựng	1. Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng. 2. Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng. 3. Giám định tư pháp về chất lượng thiết kế xây dựng. 4. Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng. 5. Giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình.	Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	

II. SỔ CÔNG THƯƠNG: 15 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 10; đã chuyển công tác 01; nghỉ theo chính sách 178 và hưu 04).

4.	Đỗ Thành Danh	1982	Kỹ sư điện – điện tử; Đại học kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh	Quản lý năng lượng về lĩnh vực điện lực	Quyết định số 750/QĐ- UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
5.	Nguyễn Thị Lan Đài	1975	Cử nhân Đông Nam Á học; Cử nhân Kinh tế Luật	Hàng giả, hàng cấm	Quyết định số 750/QĐ- UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
6.	Cao Phan Tâm Yên	1984	Kỹ sư công nghệ hóa học; Thạc sỹ phát triển bền vững	Hóa chất	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
7.	Phạm Thị Minh	1976	Đại học Kinh tế chuyên ngành tài chính tín dụng	Công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
8.	Nguyễn Thụy Mai Khanh	1987	Năng lượng	Quản lý nhà nước về quản lý năng lượng	Quyết định số 114/QĐ- UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	

9.	Huỳnh Nguyễn Duy Phương	1981	An toàn thực phẩm lĩnh vực công thương	Quản lý nhà nước về quản lý công nghiệp	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
10.	Võ Quốc Hùng	1983	Cử nhân Kinh tế ngoại thương	Xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
11.	Hồ Xuân Hoa	1990	Kỹ sư công nghệ sinh học	An toàn thực phẩm lĩnh vực công thương	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
12.	Phan Phước Dư	1987	Vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
13.	Nguyễn Minh Triết	1984	Năng lượng	Quản lý năng lượng về lĩnh vực điện lực	Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	
14.	Trần Thanh Tuấn	1975	Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	Quản lý nhà nước về quản lý xuất khẩu	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	Đã chuyển công tác về Văn phòng UBND tỉnh An Giang tính từ ngày 01/9/2025

15.	Vương Đức Cường	1972	Giám định lĩnh vực cơ khí	Giám định lĩnh vực cơ khí	Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	Đã nghỉ hưu theo Nghị định 178
16.	Thái Quốc Phong	1974	Năng lượng	Quản lý nhà nước về quản lý năng lượng	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	Đã nghỉ việc theo Nghị định 178
17.	Mai Chí Cường	1987	Kỹ sư điện – điện tử	Quản lý nhà nước về quản lý năng lượng	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	Đã nghỉ việc theo Nghị định 178
18.	Lê Hữu Đức	1961	Hàng giả, hàng cấm	Hàng giả, hàng cấm	Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh An Giang (cũ)	Đã nghỉ hưu
III. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC 15: 03 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 03)						
19.	Võ Hồng Nho	1972	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh An Giang	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 1635/QĐ-NHNN ngày 01/8/2017	
20.	Phan Huỳnh Vững	1990	Kinh tế, tài chính ngân hàng	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 116/QĐ-ANG ngày 16/8/2021	
21.	Nguyễn Thị Hải Loan	1988	Thạc sĩ tài chính - ngân hàng	Hoạt động ngân hàng	Quyết định số 70/QĐ-ANG ngày 05/5/2022	

IV. SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ: 14 NGDTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 14)						
22.	Phạm Thị Lựu	1974	- Ths. Quản trị kinh doanh - Kỹ sư Công nghệ hóa học và thực phẩm	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
23.	Đào Xuân Minh	1986	Ths. Công nghệ thực phẩm	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
24.	Hà Nhật Mai	1994	Cử nhân Quản lý nhà nước	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
25.	Phạm Văn Cao	1987	- Kỹ sư Kỹ thuật môi trường - Ths. Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
26.	Bùi Lê Trung Hiếu	1989	- Cử nhân sư phạm sinh học - Ths Công nghệ sinh học	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	

27.	Nguyễn Hữu Dư	1989	- Kỹ sư kỹ thuật điều khiển - Cử nhân luật	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	
28.	Nguyễn Thanh Bình	1978	Công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
29.	Trịnh Tú Vân	1977	Công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
30.	Phạm Văn Phúc	1984	Điện-điện tử	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
31.	Lã Ánh Nguyệt	1986	Khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
32.	Nguyễn Đức Thuận	1987	Công nghệ Thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	

33.	Phạm Công Gion	1989	Công nghệ Thông tin, chuyển đổi số	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
34.	Lê Thành Minh	1984	Công nghệ Thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
35.	Phạm Nguyễn Phước Tài	1994	Công nghệ thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh An Giang	
V. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO: 01 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 01)						
36.	Tăng Thành Nhơn	1979	Đại học Công nghệ thông tin	Thông tin và truyền thông	Quyết định số 221/QĐ- STTTT ngày 16/12/2022	
VI. BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH: 02 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 02)						
37.	Châu Hoàng Dũng	1969	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Chế độ bảo hiểm y tế	Quyết định số 307/QĐ- BHXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam	
38.	Lê Thị Bích Vân	1982	Thạc sĩ quản lý kinh tế	Giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội	Quyết định số 307/QĐ- BHXH ngày 31/3/2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam	

VII. SỞ TƯ PHÁP: 02 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 02)						
39.	Nguyễn Thị Thúy Vi	1981	Cử nhân Luật	Lĩnh vực Luật sư	Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh An Giang	
40.	Nguyễn Hòa hiệp	1986	Cử nhân Luật	Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật	Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh An Giang	
VIII SỞ TÀI CHÍNH: 06 NGĐTPTVV (Trong đó: Hiện đang công tác 06).						
41.	Nguyễn Minh Bảo	1976	Kỹ sư xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
42.	Phạm Thành Được	1981	Thạc sĩ xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
43.	Lê Thị Lệ Nhi	1986	Cử nhân kế toán	Lĩnh vực quản lý ngân sách	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	

44.	Châu Văn Mạnh	1976	Cử nhân tài chính	Lĩnh vực quản lý ngân sách	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
45.	Nguyễn Quốc Khánh	1983	Kỹ sư xây dựng	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	
46.	Hồ Ngọc Trinh	1990	Kỹ sư quy hoạch đô thị	Lĩnh vực quản lý đầu tư	Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	

Tổng số: 05 tổ chức giám định và 258 Giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc, cụ thể:

- A. Tổ chức giám định tư pháp công lập: 02 tổ chức.
- B. Tổ giám định tư pháp theo vụ việc: 03 tổ chức.
- C. Giám định viên tư pháp: 212 người.
- D. Người giám định tư pháp theo vụ việc: 46 người.